

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-40

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	ổng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



---

**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Số: 260320.021 /BCTC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

#### **Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

---

#### **Ngô Hoàng Hà**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020*

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>129.238.578.529</b>	<b>138.728.019.710</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>17.337.673.823</b>	<b>32.394.596.963</b>
111	1. Tiền		12.837.673.823	17.144.596.963
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.500.000.000	15.250.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>34.046.902.137</b>	<b>30.991.997.184</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		34.046.902.137	30.991.997.184
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>44.813.316.890</b>	<b>32.212.597.682</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.501.698.075	27.718.624.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.239.839.820	3.030.565.809
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.500.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.642.690.538	1.534.318.502
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.911.543)	(70.911.543)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>32.030.530.358</b>	<b>41.676.101.295</b>
141	1. Hàng tồn kho		32.030.530.358	41.676.101.295
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.010.155.321</b>	<b>1.452.726.586</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.010.155.321	1.220.956.614
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	231.515.020
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	254.952
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>115.856.074.238</b>	<b>112.391.216.653</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.867.000.000</b>	<b>2.566.999.746</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	4.800.000.000	2.500.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	67.000.000	66.999.746
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>49.289.299.560</b>	<b>42.083.006.844</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	45.172.179.602	37.796.476.466
222	- Nguyên giá		168.466.760.941	155.666.597.020
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(123.294.581.339)	(117.870.120.554)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.117.119.958	4.286.530.378
228	- Nguyên giá		6.943.530.397	7.068.980.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.826.410.439)	(2.782.450.019)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>28.297.951.815</b>	<b>29.255.644.380</b>
231	- Nguyên giá		52.456.972.189	52.456.972.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.159.020.374)	(23.201.327.809)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*  
*(tiếp theo)*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>5.154.107.675</b>	<b>5.800.061.623</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.154.107.675	5.800.061.623
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>18.893.803.824</b>	<b>17.826.100.387</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.734.104.624	17.703.771.187
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	122.329.200
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.353.911.364</b>	<b>14.859.403.673</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	9.353.911.364	14.859.403.673
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>245.094.652.767</b>	<b>251.119.236.363</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>29.737.382.118</b>	<b>39.573.907.599</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>29.737.382.118</b>	<b>39.573.907.599</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	12.538.110.000	16.517.501.324
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	898.436.224	813.240.600
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.821.125.627	1.437.348.447
314	4. Phải trả người lao động		4.699.548.000	2.716.757.560
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		409.904.727	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.688.701.337	7.534.003.555
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	2.769.220.065	9.642.719.975
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		912.336.138	912.336.138
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>215.357.270.649</b>	<b>211.545.328.764</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>215.357.270.649</b>	<b>211.545.328.764</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>61.725.230.000</i>	<i>61.725.230.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.251.764.905	19.439.823.020
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>14.850.455.820</i>	<i>11.944.830.267</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>8.401.309.085</i>	<i>7.494.992.753</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>245.094.652.767</b>	<b>251.119.236.363</b>





**Nguyễn Thị Xuân**  
 Người lập

**Nguyễn Thị Xuân**  
 Kế toán trưởng

**Hoàng Minh Anh Tú**  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	202.071.353.656	156.829.819.565
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	519.366.676	323.867.198
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		201.551.986.980	156.505.952.367
11	4. Giá vốn hàng bán	25	169.243.771.372	135.772.649.041
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.308.215.608	20.733.303.326
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	2.344.238.934	3.744.623.556
22	7. Chi phí tài chính	27	609.090.725	764.926.900
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		396.393.215	139.089.625
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.030.333.437	1.823.779.655
25	9. Chi phí bán hàng	28	8.281.340.820	5.412.912.219
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	16.504.831.063	11.294.280.238
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.287.525.371	8.829.587.180
31	12. Thu nhập khác		166.624.729	17.871.847
32	13. Chi phí khác		174.634.576	353.051.110
40	14. Lợi nhuận khác		(8.009.847)	(335.179.263)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.279.515.524	8.494.407.917
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.878.206.439	999.415.164
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.401.309.085	7.494.992.753
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		8.401.309.085	7.494.992.753
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.464	1.306





Nguyễn Thị Xuân  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Năm 2019*  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>10.279.515.524</b>	<b>8.494.407.917</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.741.866.362	11.036.237.213
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		31.446.194	(4.657.988)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.338.438.427)	(5.239.305.193)
06	- Chi phí lãi vay		396.393.215	139.089.625
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>21.110.782.868</b>	<b>14.425.771.574</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.153.518.045)	(4.979.732.457)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9.645.570.937	(13.363.797.827)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.014.049.181)	13.495.341.730
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.716.293.602	(2.915.199.171)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(396.393.215)	(158.295.305)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.872.274.644)	(491.467.971)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(185.445.464)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>20.036.412.322</b>	<b>5.827.175.109</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.439.013.160)	(11.551.132.815)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		91.522.363	372.736.274
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.646.902.137)	(51.541.747.184)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15.791.997.184	55.160.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(37.370.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.595.651.777	3.042.936.207
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(23.644.113.973)</b>	<b>(4.517.207.518)</b>
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		47.866.999.451	34.345.157.118
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(54.740.759.426)	(28.270.192.884)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.574.819.280)	(4.562.745.920)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(11.448.579.255)</b>	<b>1.512.218.314</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Năm 2019*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.056.280.906)	2.822.185.905
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.394.596.963	29.578.486.222
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(642.234)	(6.075.164)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>17.337.673.823</u>	<u>32.394.596.963</u>



Nguyễn Thị Xuân  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Năm 2019***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ thông tin

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

---

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### **2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.20 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	348.172.957	305.131.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.489.500.866	16.839.465.123
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	15.250.000.000
	<u><b>17.337.673.823</b></u>	<u><b>32.394.596.963</b></u>

(\*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 4.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	34.046.902.137	-	30.991.997.184	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	34.046.902.137	-	30.991.997.184	-
	<b>34.046.902.137</b>	<b>-</b>	<b>30.991.997.184</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư tài chính nắm giữ tới ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 15 tháng có giá trị 34.046.902.137 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,8%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 17.703.771.187 đồng và 18.734.104.624 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu)	100.199.200	176.832.000	-	62.829.200	88.511.500	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa (5.450 cổ phiếu)	59.500.000	-	-	59.500.000	-	-
	<b>159.699.200</b>	<b>176.832.000</b>	<b>-</b>	<b>122.329.200</b>	<b>88.511.500</b>	<b>-</b>

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2019 và 28/12/2018, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt An	567.191.900	-	549.758.000	-
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	4.068.336.938	-	3.134.981.063	-
- Doanh nghiệp tư nhân Khánh Mỹ	3.144.139.420	-	2.072.476.039	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa	2.508.374.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng	24.213.655.817	(26.000.000)	21.961.409.812	(26.000.000)
	<b>34.501.698.075</b>	<b>(26.000.000)</b>	<b>27.718.624.914</b>	<b>(26.000.000)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>30.153.000</b>	<b>-</b>	<b>48.836.000</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	4.209.375.264	-	1.913.352.396	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	2.205.767.392	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	824.697.164	-	1.117.213.413	-
	<b>7.239.839.820</b>	<b>-</b>	<b>3.030.565.809</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn <sup>(1)</sup>	400.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay cá nhân <sup>(2)</sup>	1.100.000.000	-	-	-
	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc <sup>(3)</sup>	4.800.000.000	-	2.500.000.000	-
	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>				
	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

- (1) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Trường THCS và THPT Nhân Văn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động thường xuyên;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 400.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Các khoản cho vay cá nhân bao gồm các hợp đồng vay vốn có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm, số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.100.000.000 đồng.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 6.300.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
  - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.800.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.128.000.000	-	752.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	660.568.555	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	278.571	-
Hải quan Hồ Chí Minh	372.631.976	-	-	-
Phải thu khác	142.058.562	(44.911.543)	121.471.376	(44.911.543)
	<b>1.642.690.538</b>	<b>(44.911.543)</b>	<b>1.534.318.502</b>	<b>(44.911.543)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	67.000.000	-	66.999.746	-
	<b>67.000.000</b>	<b>-</b>	<b>66.999.746</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b>1.128.000.000</b>	<b>-</b>	<b>752.000.000</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26.000.000	-	26.000.000	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sen Việt	44.911.543	-	44.911.543	-
	<b>70.911.543</b>	<b>-</b>	<b>70.911.543</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.186.157.949	-	21.734.490.903	-
Công cụ, dụng cụ	419.067.440	-	597.865.463	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.261.735.734	-	877.783.097	-
Thành phẩm	13.746.398.802	-	17.704.042.233	-
Hàng hoá	417.170.433	-	761.919.599	-
	<b>32.030.530.358</b>	<b>-</b>	<b>41.676.101.295</b>	<b>-</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4.906.443.971</b>	<b>5.117.385.523</b>
- Mua sắm căn hộ GM2-20.03 <sup>(*)</sup>	2.360.928.026	1.747.271.639
- Mua sắm căn hộ GM3-04.12A	-	1.258.102.589
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 <sup>(**)</sup>	2.545.515.945	2.112.011.295
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>247.663.704</b>	<b>-</b>
- Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất Công ty Nhựa Âu Lạc	247.663.704	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>682.676.100</b>
- Chi phí sửa chữa nhà máy	-	682.676.100
	<b>5.154.107.675</b>	<b>5.800.061.623</b>

(\*) Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục bàn giao và đưa vào sử

(\*\*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2019, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	31.307.663.258	109.024.067.952	11.915.969.499	3.215.974.966	202.921.345	155.666.597.020
- Mua trong năm	1.402.640.909	15.681.077.646	169.870.387	1.732.123.111	-	18.985.712.053
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.211.056.686	-	300.675.200	-	1.511.731.886
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.273.187.594)	-	-	-	(7.273.187.594)
- Phân loại lại tài sản do không đủ điều kiện	-	(424.092.424)	-	-	-	(424.092.424)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.710.304.167</b>	<b>118.218.922.266</b>	<b>12.085.839.886</b>	<b>5.248.773.277</b>	<b>202.921.345</b>	<b>168.466.760.941</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	19.588.025.761	87.720.673.391	8.456.891.465	1.928.249.361	176.280.576	117.870.120.554
- Khấu hao trong năm	1.953.118.806	8.749.121.900	835.164.965	1.077.357.706	-	12.614.763.377
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.178.686.999)	-	-	-	(7.178.686.999)
- Phân loại lại tài sản do không đủ điều kiện	-	(11.615.593)	-	-	-	(11.615.593)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.541.144.567</b>	<b>89.279.492.699</b>	<b>9.292.056.430</b>	<b>3.005.607.067</b>	<b>176.280.576</b>	<b>123.294.581.339</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	11.719.637.497	21.303.394.561	3.459.078.034	1.287.725.605	26.640.769	37.796.476.466
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>11.169.159.600</b>	<b>28.939.429.567</b>	<b>2.793.783.456</b>	<b>2.243.166.210</b>	<b>26.640.769</b>	<b>45.172.179.602</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.198.438.063 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	831.095.304	7.068.980.397
- Thanh lý, nhượng bán	-	(125.450.000)	(125.450.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.237.885.093</b>	<b>705.645.304</b>	<b>6.943.530.397</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.979.688.046	802.761.973	2.782.450.019
- Khấu hao trong năm	149.410.416	20.000.004	169.410.420
- Thanh lý, nhượng bán	-	(125.450.000)	(125.450.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.129.098.462</b>	<b>697.311.977</b>	<b>2.826.410.439</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.258.197.047	28.333.331	4.286.530.378
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4.108.786.631</b>	<b>8.333.327</b>	<b>4.117.119.958</b>

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 24.159.020.374 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 957.692.565 đồng.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	709.168.399	368.897.160
Chi phí bảo hiểm	63.851.556	28.763.997
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.135.366	823.295.457
	<b>1.010.155.321</b>	<b>1.220.956.614</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	102.981.497	288.514.892
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	-	9.305.059
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	-	30.985.000
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	9.200.624.030	14.331.094.668
Chi phí trả trước dài hạn khác	50.305.837	199.504.054
	<b>9.353.911.364</b>	<b>14.859.403.673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Xinhengjia Supply Chain (HK) Co., Ltd	-	-	1.023.142.243	1.023.142.243
- Công ty TNHH Thương mại Hưng Phát	-	-	1.381.800.000	1.381.800.000
- Shenzhen Infiled Electronics Co. Ltd	-	-	2.740.934.201	2.740.934.201
- Hanwa Singapore Pte	2.069.793.000	2.069.793.000	2.842.049.925	2.842.049.925
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Bền vững S.av	-	-	2.208.403.043	2.208.403.043
- Marubeni Asean Pte. Ltd	2.069.793.000	2.069.793.000	1.461.296.925	1.461.296.925
- Phải trả các đối tượng khác	8.398.524.000	8.398.524.000	4.859.874.987	4.859.874.987
	<b>12.538.110.000</b>	<b>12.538.110.000</b>	<b>16.517.501.324</b>	<b>16.517.501.324</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Truyền thông và Sự kiện Hiền Anh	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông Thương mại T3D	138.600.000	138.600.000
Công ty TNHH Phạm Hà	122.100.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Giang Sơn	100.000.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	237.736.224	374.640.600
	<b>898.436.224</b>	<b>813.240.600</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	407.775.220	11.959.682.351	10.673.797.314	-	1.693.660.257
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	254.952	-	540.689.831	540.434.879	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	962.054.549	1.878.206.439	1.872.274.644	-	967.986.344
Thuế Thu nhập cá nhân	-	67.518.678	702.584.932	610.624.584	-	159.479.026
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	163.145.604	163.145.604	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	2.336.460.000	2.336.460.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	137.071.724	137.071.724	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	35.632.989	35.632.989	-	-
	<b>254.952</b>	<b>1.437.348.447</b>	<b>17.753.473.870</b>	<b>16.369.441.738</b>	<b>-</b>	<b>2.821.125.627</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	40.006.140	53.633.240
- Bảo hiểm y tế	-	36.627
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.623.982.312	1.821.880.872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	70.563.240	56.015.320
- Quỹ phải trả người lao động	1.073.555.442	1.073.555.442
- Phải trả bà Trần Thị Huệ	700.000.000	1.700.000.000
- Phải trả ông Hoàng Minh Anh Tú	-	2.750.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	180.594.203	78.882.054
	<b>4.688.701.337</b>	<b>7.534.003.555</b>
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>700.000.000</b>	<b>4.450.000.000</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**20 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(1)</sup>	9.142.719.975	9.142.719.975	44.298.739.386	51.880.499.361	1.560.960.000	1.560.960.000
- Vay cá nhân	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu <sup>(2)</sup>	-	-	3.568.260.065	2.360.000.000	1.208.260.065	1.208.260.065
	<b>9.642.719.975</b>	<b>9.642.719.975</b>	<b>47.866.999.451</b>	<b>54.740.499.361</b>	<b>2.769.220.065</b>	<b>2.769.220.065</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 927/TBN-KND/19NH ngày 28/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 28/06/2020;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.560.60.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(2) Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.913.110319 ngày 21/03/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.800.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.208.260.065 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi của Công ty tại ACB.

## 21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>16.876.130.938</b>	<b>208.981.636.682</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.494.992.753	7.494.992.753
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4.589.367.200)	(4.589.367.200)
Phạt truy thu thuế	-	-	-	-	-	(201.933.471)	(201.933.471)
Thù lao thành viên HĐQT không điều hành và chi thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>19.439.823.020</b>	<b>211.545.328.764</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>19.439.823.020</b>	<b>211.545.328.764</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	8.401.309.085	8.401.309.085
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4.589.367.200)	(4.589.367.200)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>23.251.764.905</b>	<b>215.357.270.649</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2019 ngày 24/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Trong đó đã tạm phân phối trong năm 2018			
	Công ty mẹ	Các công ty con	Cộng	
	VND	VND	VND	VND
Chi trả cổ tức	4.589.367.200	-	4.589.367.200	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17,03%	10.512.440.000	17,03%	10.512.440.000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12,32%	7.602.110.000	12,32%	7.602.110.000
Ông Hoàng Văn Điều	9,38%	5.788.600.000	9,38%	5.788.600.000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	5,77%	3.558.630.000	5,77%	3.558.630.000
Ông La Thế Nhân	4,79%	2.955.500.000	4,79%	2.955.500.000
Các cổ đông khác	43,65%	26.949.810.000	43,65%	26.949.810.000
Cổ phiếu quỹ	7,06%	4.358.140.000	7,06%	4.358.140.000
	<b>100%</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>100%</b>	<b>61.725.230.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	61.725.230.000	61.725.230.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	61.725.230.000	61.725.230.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	56.015.320	29.394.040
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	4.589.367.200	4.589.367.200
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.589.367.200	4.589.367.200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(4.574.819.280)	(4.562.745.920)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(4.574.819.280)	(4.562.745.920)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	70.563.240	56.015.320

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.736.709	5.736.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	<b>2.243.857.861</b>	<b>2.243.857.861</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty được Nhà nước giao một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	21.388,95	15.239,67
- Đồng đô la Singapore (SGD)	-	339,72
- Đồng đô la Hồng Kông (HKD)	-	46.444,09

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	142.302.832.992	107.019.895.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.768.520.664	49.809.924.062
	<b><u>202.071.353.656</u></b>	<b><u>156.829.819.565</u></b>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	<b><u>37.537.130</u></b>	<b><u>296.725.331</u></b>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	518.466.676	323.267.198
Giảm giá hàng bán	900.000	600.000
	<b><u>519.366.676</u></b>	<b><u>323.867.198</u></b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	128.447.380.875	96.554.362.184
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.796.390.497	39.218.286.857
	<b><u>169.243.771.372</u></b>	<b><u>135.772.649.041</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.891.097.822	3.278.228.507
Cổ tức, lợi nhuận được chia	419.985.400	376.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	33.155.712	85.737.061
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.657.988
	<b>2.344.238.934</b>	<b>3.744.623.556</b>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	<b>551.068.000</b>	<b>618.587.000</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	396.393.215	139.089.625
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	212.258.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	181.251.316	413.579.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	31.446.194	-
	<b>609.090.725</b>	<b>764.926.900</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.500	49.708.642
Chi phí nhân công	4.673.115.880	2.236.080.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.163.828	72.243.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.702.406.141	1.962.692.978
Chi phí khác bằng tiền	1.814.619.471	1.092.186.831
	<b>8.281.340.820</b>	<b>5.412.912.219</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.692.226	192.298.260
Chi phí nhân công	7.725.349.107	6.499.672.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.893.092.389	1.626.541.756
Thuế, phí, lệ phí	134.567.561	78.514.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.883.256.520	1.424.729.675
Chi phí khác bằng tiền	3.693.873.260	1.472.523.460
	<b>16.504.831.063</b>	<b>11.294.280.238</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.878.206.439	999.415.164
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.878.206.439</b>	<b>999.415.164</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN phải nộp năm nay	-	223.813.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	962.054.549	230.293.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.872.274.644)	(491.467.971)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>967.986.344</b>	<b>962.054.549</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	8.401.309.085	7.494.992.753
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.401.309.085	7.494.992.753
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.736.709	5.736.709
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.464</b>	<b>1.306</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.993.069.629	93.995.110.301
Chi phí nhân công	40.192.608.746	32.706.101.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.741.866.362	11.036.237.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.314.297.480	12.111.283.046
Chi phí khác bằng tiền	6.949.445.670	8.507.887.482
	<b>187.191.287.887</b>	<b>158.356.619.385</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.337.673.823	-	32.394.596.963	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.211.388.613	(70.911.543)	29.319.943.162	(70.911.543)
Các khoản cho vay	40.346.902.137	-	33.491.997.184	-
Đầu tư dài hạn	100.199.200	-	62.829.200	-
	<b>93.996.163.773</b>	<b>(70.911.543)</b>	<b>95.269.366.509</b>	<b>(70.911.543)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			2.769.220.065	9.642.719.975
Phải trả người bán, phải trả khác			17.226.811.337	24.051.504.879
Chi phí phải trả			409.904.727	-
			<b>20.405.936.129</b>	<b>33.694.224.854</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	100.199.200	-	100.199.200
	<b>-</b>	<b>100.199.200</b>	<b>-</b>	<b>100.199.200</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	62.829.200	-	62.829.200
	<b>-</b>	<b>62.829.200</b>	<b>-</b>	<b>62.829.200</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.337.673.823	-	-	17.337.673.823
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.073.477.070	67.000.000	-	36.140.477.070
Các khoản cho vay	35.546.902.137	4.800.000.000	-	40.346.902.137
	<b>88.958.053.030</b>	<b>4.867.000.000</b>	<b>-</b>	<b>93.825.053.030</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Tại ngày 01/01/2019**

Tiền và các khoản tương đương tiền	32.394.596.963	-	-	32.394.596.963
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.182.031.873	66.999.746	-	29.249.031.619
Các khoản cho vay	30.991.997.184	2.500.000.000	-	33.491.997.184
	<b>92.568.626.020</b>	<b>2.566.999.746</b>	<b>-</b>	<b>95.135.625.766</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	2.769.220.065	-	-	2.769.220.065
Phải trả người bán, phải trả khác	17.226.811.337	-	-	17.226.811.337
Chi phí phải trả	409.904.727	-	-	409.904.727
	<b>20.405.936.129</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.405.936.129</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	9.642.719.975	-	-	9.642.719.975
Phải trả người bán, phải trả khác	24.051.504.879	-	-	24.051.504.879
	<b>33.694.224.854</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.694.224.854</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	141.783.466.316	59.768.520.664	201.551.986.980
Chi phí bộ phận trực tiếp	128.447.380.875	40.796.390.497	169.243.771.372
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>13.336.085.441</b>	<b>18.972.130.167</b>	<b>32.308.215.608</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	5.854.669.528	14.642.774.411	20.497.443.939
Tài sản bộ phận trực tiếp	159.122.918.743	67.077.930.200	226.200.848.943
Tài sản không phân bổ	-	-	18.893.803.824
<b>Tổng tài sản</b>	<b>159.122.918.743</b>	<b>67.077.930.200</b>	<b>245.094.652.767</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	20.277.224.735	8.547.821.245	28.825.045.980
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	912.336.138
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>20.277.224.735</b>	<b>8.547.821.245</b>	<b>29.737.382.118</b>

**Theo khu vực địa lý**

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc Ông Hoàng Minh Anh Tú Bà Trần Thị Huệ	Công ty liên kết Tổng Giám đốc điều hành Giám đốc Chất lượng

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>37.537.130</b>	<b>296.725.331</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	37.537.130	296.725.331
<b>Lãi cho vay</b>	<b>175.068.000</b>	<b>242.587.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	175.068.000	242.587.000
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>376.000.000</b>	<b>376.000.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	376.000.000	376.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>30.153.000</b>	<b>48.836.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	30.153.000	48.836.000
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.800.000.000	2.500.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.128.000.000</b>	<b>752.000.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	1.128.000.000	752.000.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>700.000.000</b>	<b>4.450.000.000</b>
Ông Hoàng Minh Anh Tú	-	2.750.000.000
Bà Trần Thị Huệ	700.000.000	1.700.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	764.914.490	333.962.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1.230.517.695	1.863.217.463

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Nguyễn Thị Xuân**  
Người lập



**Nguyễn Thị Xuân**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Minh Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020